

HỒ CHÍ MINH

BIỂU TƯỢNG CỦA VĂN HOÁ HOÀ BÌNH

Thiếu tướng, PGS, TS TRỊNH VƯƠNG HỒNG

Loài người đang sống trong thời kỳ toàn cầu hoá nhiều mặt của đời sống xã hội, các nước với chế độ xã hội khác nhau, trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh vì lợi ích giai cấp và dân tộc. Cách mạng khoa học công nghệ tiếp tục phát triển, tác động mạnh mẽ tới đời sống con người và bộ mặt thế giới. Hoà bình và hợp tác phát triển là xu thế nổi bật, nhân tố tiên quyết để thế giới phát triển, song vẫn tiềm ẩn nhiều lực cản, vẫn còn những thế lực muốn áp đặt ý chí của mình lên các dân tộc khác; xung đột, tranh cãi và tranh chấp chủ quyền lãnh thổ quốc gia, khủng bố vẫn tồn tại và chứa đựng nguy cơ bùng phát. Trong khi ra sức phấn đấu cho một cuộc sống tốt đẹp, loài người vẫn luôn bị ám ảnh bởi nỗi lo âu, tương lai sẽ như thế nào, liệu loài người có thể cùng nhau giải quyết vấn đề sống còn số một của mình, ngăn chặn và thủ tiêu nguy cơ chiến tranh, kiến tạo một nền hoà bình lâu dài, bền vững?

Nhân loại có thể tìm ở tấm gương Hồ Chí Minh, Anh hùng giải phóng dân tộc, Nhà văn hoá lớn mà UNESCO đã tôn vinh, những lời giải đáp quý báu.

Sinh ra trong cảnh “nước mất nhà tan”, Nguyễn Sinh Cung - Nguyễn Tất Thành, đã nhận được sự giáo dục về lòng yêu đồng bào, yêu quê hương, đất nước. Chứng kiến cảnh sống cực khổ, bất công của những người dân dưới ách áp bức, bóc lột tàn bạo của giai cấp thống trị, tội ác và tai hoạ mà thực dân Pháp gây ra cho nhân dân ta, đến đầu thế kỷ XX đã thức tỉnh các tầng lớp vốn giàu lòng yêu nước, khiến họ hăng hái đi tìm đường cứu nước. Đó là sự thức tỉnh ý thức dân tộc cực kỳ

sâu sắc và mãnh liệt. Nguyễn Tất Thành là một trong số những người ưu tú đó.

Cũng trong khoảng thời gian này, con đường cứu nước của dân tộc Việt Nam rơi vào bế tắc, “như trong đêm tối không có đường ra”.

Bằng sự quan sát thực tiễn và sự nhạy bén sắc sảo của tư duy, Nguyễn Tất Thành nhận ra hạn chế của những con đường cứu nước của các bậc tiền bối và người cùng thời. Khâm phục tấm lòng yêu nước của họ nhưng Nguyễn Tất Thành không đồng ý

với những con đường cứu nước mà họ xác định và thực hiện. Nguyễn Tất Thành sang Pháp để tìm “nguồn gốc những đau khổ áp bức dân tộc ở ngay tại “chính quốc”, ở nước đế quốc đang thống trị dân tộc mình”¹. Đó là quyết định chính xác.

Với hướng đi đúng, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đã tìm đúng con đường cứu nước, cứu dân, con đường giải phóng dân tộc, đó là chủ nghĩa Mác - Lênin. Từ đó, với nghị lực phi thường và quyết tâm gang thép, Người cùng các đồng chí của mình truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào trong nước, khơi dậy và bồi dưỡng lòng yêu nước cho đồng bào mình, xây dựng tổ chức cách mạng, xây dựng lực lượng cách mạng và xác định phương thức đấu tranh... Chỉ 15 năm sau khi Đảng ra đời, Đảng Cộng sản do Người sáng lập đã lãnh đạo nhân dân cả nước làm cuộc cách mạng giành độc lập thành công vào Tháng Tám năm 1945, lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Những tương đất nước độc lập, tự do, sẽ có hoà bình để xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, nhưng chủ nghĩa đế quốc lại phát động chiến tranh xâm lược nước ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng toàn Đảng lãnh đạo toàn dân ta tiến hành hai cuộc kháng chiến thần thánh, “đánh bại hai đế quốc to là Pháp và Mỹ”. Chiến thắng hai kẻ xâm lược hàng đầu của chủ nghĩa đế quốc đã đưa vị thế dân tộc Việt Nam trên trường quốc tế lên một tầm cao mới. Đây là cơ sở vững vàng cho một nền hoà bình vững chắc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã công hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giành và giữ nền

độc lập của dân tộc Việt Nam; đây cũng là cống hiến cho một nền hoà bình chân chính. Bởi, trong tư tưởng của Người, độc lập dân tộc và hoà bình luôn gắn kết chặt chẽ. Có độc lập, tự do, dân tộc ta có sức mạnh với nội lực ngày một nhân lên để giữ gìn hoà bình cho dân tộc mình và góp phần tích cực bảo vệ hoà bình trong khu vực và thế giới.

Ở Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc luôn đi liền với hoà bình; hoà bình phải trong độc lập tự do, độc lập - hoà bình chân chính. Vì thế, Người coi trọng đối ngoại, đối thoại giúp các bên hiểu nhau, tìm ra giải pháp tốt. Trong đối thoại, Người luôn có thái độ mềm dẻo để tìm ra điểm tương đồng, nhưng hết sức cứng rắn về nguyên tắc, giữ vững độc lập, chủ quyền. Tướng R.Xalăng kể lại cuộc tiếp kiến Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 8-2-1946 tại Hà Nội, rằng ông ta đã thuyết phục Chủ tịch Hồ Chí Minh cho phép quân đội Pháp “đổ bộ” lên miền Bắc để “khôi phục lại trật tự” và giúp xây dựng một Việt Nam “phồn vinh trong nền tự do”... Hồ Chí Minh bác bỏ luận điệu lừa bịp của Xalăng, vì làm như thế sẽ là “kẻ phản quốc”, và nói thêm, như một thông điệp gửi Chính phủ Pháp: “... ngay dù cho cả thế giới chống lại chúng tôi, chúng tôi cũng không thể chấp nhận trở thành những người nô lệ. Pháp là xứ sở của tự do, nước Pháp mới hãy để lại cho chúng tôi sự tự do ấy”².

Trung tuần tháng 5-1947, khi kháng chiến toàn quốc đã diễn ra được 5 tháng, Cao uỷ Pháp lại phái “nhà xã hội học” Pôn Muýt lên Thái Nguyên đưa những “điều

kiện tiên quyết” đi tới ngừng bán, những điều kiện “vô lễ” và “vô lý”³, thực chất là yêu cầu ta hạ vũ khí đầu hàng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hỏi ngược lại Pôn Muýt, nếu ở địa vị Người, ông ta có chấp nhận những điều kiện đó không, Pôn Muýt không trả lời được. Người nói tiếp: “chúng tôi muốn hoà bình, nhưng không phải bằng bất cứ giá nào, mà phải là hoà bình trong độc lập, tự do”. Trong thư gửi nhân dân Pháp sau cuộc hội kiến với Pôn Muýt, Người khẳng định: “Chúng tôi muốn hoà bình. Chúng tôi muốn nước chúng tôi độc lập và thống nhất...”⁴.

Quan điểm nói trên là hoàn toàn nhất quán, cả trong đối thoại với phía Pháp và phía Mỹ. Điều này đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh bày tỏ trong nhiều bức thư gửi Tổng thống Mỹ Truman hoặc Quốc vụ khanh Mỹ Bơơ từ cuối năm 1945, đầu năm 1946. Trong thư gửi Truman ngày 16-2-1946, Người viết: “... mục tiêu của chúng tôi là độc lập toàn diện và hợp tác toàn diện với Hoa Kỳ. Chúng tôi sẽ làm hết sức mình để làm cho nền độc lập và sự hợp tác này trở nên có lợi cho toàn thế giới”⁵.

Những yêu cầu chính đáng nêu trên không được Chính phủ Mỹ đáp ứng, Hồ Chí Minh vẫn tiếp tục tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân Mỹ. Người luôn căn dặn nhân dân ta, phân biệt đế quốc hiếu chiến với nhân dân Mỹ.

Khi đế quốc Mỹ lộ rõ dã tâm xâm lược Việt Nam, Người vạch trần luận điệu lừa bịp của giới cầm quyền Mỹ, tố cáo tội ác của họ đối với nhân dân ta, vừa thể hiện quyết tâm chống xâm lược, song sẵn sàng thương lượng

hoà bình. Trong Thư gửi Tổng thống Mỹ (lúc ấy là Aixenhao), đăng trên báo Nhân Dân số 974 ngày 4-11-1956, với bút danh C.B, Hồ Chí Minh viết: “Tổng thống là người thừa kế những lãnh tụ vĩ đại của Mỹ, như Oasinhton, Linhcôn, Rudoven. Tự miệng ngài cũng thường nói đến hoà bình, chính nghĩa... Nhưng trong hành động thực tế đối với Việt Nam, ngài đã làm trái ngược với chính nghĩa, hoà bình”⁶...

Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở giai đoạn cực kỳ ác liệt, trong các văn kiện gửi cho Mỹ, một mặt, Hồ Chí Minh tố cáo “tội ác tày trời” mà Mỹ gây ra đối với nhân dân Việt Nam, khẳng định ý chí chiến đấu kiên cường của Việt Nam, không bao giờ khuất phục trước vũ lực bạo tàn; mặt khác tỏ rõ sẵn sàng cùng Mỹ tìm một giải pháp đúng đắn, chấm dứt chiến tranh. Trong Thư trả lời Tổng thống Mỹ Giônxon ngày 15-2-1967, Người viết: “Nhân dân Việt Nam quyết không khuất phục trước vũ lực và quyết không nói chuyện trước sự đe dọa của bom đạn. Sự nghiệp của chúng tôi là chính nghĩa. Mong Chính phủ Mỹ hãy hành động hợp lẽ phải”⁷. Trong Thư trả lời Tổng thống Mỹ R. Nichxon, ngày 25-8-1969, Người bày tỏ sự căm phẫn trước tội ác mà quân đội Mỹ gây ra cho nhân dân và đất nước Việt Nam, và “... rất xúc động thấy ngày càng có nhiều thanh niên Mỹ chết vô ích ở Việt Nam vì chính sách của nhà cầm quyền Mỹ”. Người cho rằng với thiện chí của cả hai bên, “có thể đi tới những cố gắng chung để tìm một giải pháp đúng đắn cho vấn đề Việt Nam”⁸.

Như vậy, ở Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam, tinh thần kiên quyết bảo vệ độc lập, tự do hoàn toàn thống nhất với bản chất yêu hoà bình và lòng mong muốn hoà hiếu, hữu nghị với các dân tộc trên thế giới.

Hồ Chí Minh đã mở rộng, phát triển và đưa vào thực tiễn nguyên tắc mà V.I Lênin là người đầu tiên nêu ra trong *Sắc lệnh về hoà bình*, đó là nguyên tắc chung sống hoà bình giữa các nước có chế độ chính trị - xã hội khác nhau. Phải chăng, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thức rõ thế giới là một. Dù thế giới mà mọi người đang sống rất phức tạp, đầy mâu thuẫn, nhưng lại là một tổng thể gắn kết, trong đó tính phụ thuộc lẫn nhau của các bộ phận hợp thành của nó ngày càng mạnh. Đó là sự thống nhất trong các mâu thuẫn, mà có thời đoạn người ta nhấn mạnh quá nhiều đến các mâu thuẫn, mà không quan tâm thoả đáng đến tính thống nhất của thế giới. Người viết: “Các nước có chế độ xã hội khác nhau có thể chung sống hoà bình với nhau, điều đó có thể thực hiện bằng cách chấm dứt chiến tranh lạnh; chấm dứt chạy đua vũ trang, đình chỉ thử vũ khí nguyên tử và khinh khí, bằng cách thi hành đúng đắn năm nguyên tắc chung sống hoà bình, bằng cách giải quyết tất cả các vấn đề tranh chấp quốc tế bằng phương pháp thương lượng hoà bình và bằng cách chấm dứt mọi sự can thiệp của chủ nghĩa đế quốc vào công việc nội bộ các nước khác”⁹.

Với quan điểm đó, từ sau khi nước nhà độc lập, trong hoạt động đối ngoại, một mặt

Người ra sức đấu tranh với giới hiếu chiến Pháp và Mỹ nhằm ngăn chặn, đẩy lùi chiến tranh; mặt khác, Người cùng Đảng và Chính phủ nỗ lực hoạt động phá vỡ thế bị chủ nghĩa đế quốc bao vây, cô lập, làm cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được quốc tế công nhận, mở rộng mối quan hệ nhiều mặt với các nước trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, hai bên cùng có lợi. Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục phấn đấu không mệt mỏi vì sự nghiệp giải phóng dân tộc bị áp bức, thuộc địa hoặc phụ thuộc chưa hoàn toàn thoát khỏi ách thực dân. Người luôn theo dõi, cổ vũ phong trào đấu tranh giải phóng của nhân dân Angiêri, nhân dân các nước châu Phi và khu vực Mỹ - Latinh. Người tiếp nhiều đoàn đại biểu, nhiều nguyên thủ phong trào kháng chiến hoặc vừa giành được độc lập, trao đổi kinh nghiệm và cổ vũ, khuyến khích họ.

Ý thức được tính chất nghiêm trọng của sự chia rẽ, bất đồng trong phong trào cộng sản quốc tế, Hồ Chí Minh có nhiều hoạt động tích cực, cụ thể để khắc phục tình trạng đó: phát biểu tại các diễn đàn, hội nghị, gặp gỡ lãnh đạo các Đảng cộng sản. Người kêu gọi các đảng anh em khôi phục đoàn kết trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình.

Hồ Chí Minh đặc biệt thu hút được cảm tình và sự ủng hộ của nhân dân và những người tiến bộ nước đối phương; chỉ rõ nhân dân và những người tiến bộ Pháp, Mỹ là bạn, chỉ những kẻ gây ra chiến tranh xâm lược mới là kẻ thù của Việt Nam.

Phong trào nhân dân Pháp và Mỹ đứng về phía nhân dân Đông Dương đang kháng chiến ngày càng phát triển và hình thành một mặt trận rộng lớn chống lại giới cầm quyền ngay tại hậu phương của đội quân xâm lược. Hình thức đấu tranh rất phong phú. Ở Pháp đã diễn ra nhiều cuộc mít tinh, biểu tình chống đưa quân sang Việt Nam, đòi chồng con ở Việt Nam phải được hồi hương,... Những tấm gương tiêu biểu ủng hộ Việt Nam như Raymông Điang và Hăngri Máctanh. Phong trào của nhân dân Mỹ chống chiến tranh xâm lược của nhà cầm quyền Mỹ nổ ra khắp nước, ngày càng mạnh mẽ. Có những cuộc biểu tình, tuần hành phản đối chiến tranh lên tới hàng chục vạn người. Những tấm gương hy sinh của bà cụ Henga Hécđơ, cũng như các chiến sĩ hoà bình Noman Morixon, Rôgiơ Lapôtơ và chị Xilin Giancaoxki... gây xúc động sâu sắc và có sức tố cáo mạnh mẽ giới hiếu chiến Mỹ.

Cùng với nhân dân Mỹ, phong trào nhân dân thế giới ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam phát triển mạnh mẽ. Đến năm 1964 đã có 400 tổ chức quốc tế và quốc gia của 63 nước có các hoạt động ủng hộ Việt Nam.

Suốt đời kiên trì phấn đấu vì mục tiêu độc lập dân tộc và hoà bình cho nhân dân Việt Nam và thế giới, Hồ Chí Minh luôn thể hiện quan điểm đúng đắn và cách ứng xử riêng phù hợp với từng đối tượng. Với kẻ xâm lược, kiên quyết chiến đấu đi đôi với bày tỏ thiện chí, đối thoại hoà bình. Với nhân dân và lực lượng tiến bộ (kể cả

ở nước đối phương), đoàn kết, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ với tấm lòng biết ơn sâu sắc. Với các nước bầu bạn hoặc cùng cảnh ngộ, luôn xây dựng và củng cố tình đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau. Đặc biệt, tôn trọng và thực hiện các nguyên tắc chung sống hoà bình giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau và giải quyết các mâu thuẫn quốc tế, Hồ Chí Minh kiên trì chủ trương thương lượng hoà bình. Đây là chủ trương nhất quán của Người trong việc giải quyết những mâu thuẫn, quan hệ quốc tế bằng cách lấy đối thoại thay cho đối đầu, thương lượng hoà bình thay cho xung đột, chiến tranh. Có thể nói rằng, trong ngoại giao quốc tế hiện đại (nhất là từ sau 1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh là một trong những người đầu tiên đề ra chủ trương đối thoại và kiên trì tiến hành đối thoại. Người đã góp phần quan trọng mở ra một hướng đi, một phương thức và cũng là một thời kỳ hợp tác mới giữa Việt Nam với các nước trên thế giới, trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội... mà trước đây chưa hề có.

Cống hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh về lý luận và thực tiễn cho hoà bình của dân tộc Việt Nam và nhân loại đã được thế giới tôn vinh. Người đã để lại cho hậu thế một tấm gương mẫu mực về đức hy sinh vì hoà bình, một phương thức mà các dân tộc cần chung sống. Đây cũng là kết tinh của phẩm chất văn hoá hoà bình Việt Nam. Giáo sư người Đức W. Luylây nhận xét: “Quan điểm của Hồ Chí Minh rất phù hợp với quan điểm ngày nay trong việc giải quyết

các xung đột quốc tế... Chính Hồ Chí Minh, ngay từ những ngày đầu Cách mạng Tháng Tám 1945 ở Việt Nam, luôn mong muốn hoà bình đàm phán với Pháp. Hoà bình hạnh phúc cho nhân dân, đó chính là ý nguyện suốt đời của Người”¹⁰.

Những giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, tư tưởng về thế giới, về hoà bình nói riêng đã được thế giới tôn vinh, sẽ trường tồn. Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng, người nhiều năm được sự giáo dục của Hồ Chí Minh, được cùng với Người hoạt động trên chính trường quốc tế, đã đúc kết: “Cuộc đời Hồ Chí Minh làm sáng tỏ sự đoàn kết quốc tế là một tư tưởng lớn của người cách mạng, vừa là chính trị, vừa là đạo đức và văn hoá. Trong bối cảnh quốc tế hiện nay, càng cần nêu cao tư tưởng biết bao cao quý và cần thiết đó”¹¹.

1. Nguyễn Khánh Toàn: “Chủ tịch Hồ Chí Minh - chủ nghĩa yêu nước chân chính đến chủ nghĩa cộng sản khoa học”, trong *Tìm hiểu một số vấn đề trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, ST, H. 1982, tr. 14

2. Dẫn theo Philip Đovile: *Pari - Sài Gòn - Hà Nội, Tài liệu lưu trữ của cuộc chiến tranh 1944 - 1947*, NXB TP. Hồ Chí Minh, 1993, tr. 22

3, 4. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 1995, T.5, tr. 129, 129

5. *Sđđ*, T. 4, tr. 177

6. *Sđđ*, T.8, tr. 265

7, 8. *Sđđ*, T. 12, tr. 232, 488-489

9. *Sđđ*, T.9, tr. 359

10. *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Khoa học xã hội, H, 1990, tr. 57

11. Phạm Văn Đồng: *Hồ Chí Minh - Quá khứ, hiện tại và tương lai*, ST, H, 1990, T.1, tr. 32.

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY...

(Tiếp theo trang 39)

Các hoạt động tại cơ sở, nhất là vùng sâu, vùng xa, như: tổ chức nói chuyện truyền thống lịch sử, trưng bày lưu động, giao lưu văn hóa, giáo dục đạo đức, truyền thống cách mạng thông qua hoạt động bảo tàng.

Quảng bá rộng rãi về Xô viết Nghệ - Tĩnh trên các phương tiện thông tin đại chúng và đưa lịch sử Xô viết Nghệ - Tĩnh vào chương trình giáo dục trong nhà trường ở Nghệ An và Hà Tĩnh. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị, địa phương để có kế hoạch tổ chức đưa nhân dân đến tham quan Bảo tàng ngày càng nhiều hơn.

Trải qua chặng đường 50 năm xây dựng và phát triển (1960-2010), với sự phấn đấu tích cực, lao động nghiêm túc của các thế hệ cán bộ, nhân viên bảo tàng qua các thời kỳ, ngày nay Bảo tàng Xô viết Nghệ - Tĩnh đã trở thành trường học lịch sử cách mạng, xứng đáng là địa chỉ đỏ, điểm tham quan hấp dẫn cho du khách trong nước và quốc tế khi hành hương về thăm quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh, thăm quê hương Xô viết Nghệ - Tĩnh Anh hùng.